

**Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế
Hoàng Anh Gia Lai**

Báo cáo tài chính tổng hợp

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán tổng hợp	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp	10 - 39

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 5900712753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 26 tháng 5 năm 2010 và hai mươi (20) GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Quyết định số 278/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 10 tháng 7 năm 2015 với mã giao dịch là "HNG".

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là kinh doanh cao su, phân bón và các vật tư nông nghiệp.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phú Đồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT") trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Bá Dương	Chủ tịch
Ông Đoàn Nguyên Đức	Phó Chủ tịch
Ông Trần Bảo Sơn	Thành viên
Ông Nguyễn Hoàng Phi	Thành viên
Ông Nguyễn Phúc Thịnh	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát ("BKS") trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Minh Khoa	Trưởng ban
Ông Đặng Công Trục	Thành viên
Bà Bùi Thị Liễu	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Bảo Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hoàng Phi	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là ông Trần Bảo Sơn.

Ông Nguyễn Hoàng Phi được Ông Trần Bảo Sơn ủy quyền để ký báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 theo Giấy Ủy quyền số 01/2024/GUQ-TGD/HAGL Agrico ngày 1 tháng 1 năm 2024.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính tổng hợp cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp; và
- ▶ lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính tổng hợp của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính tổng hợp. Công ty đã lập báo cáo tài chính tổng hợp này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đề ngày 30 tháng 3 năm 2024.

Người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp cần đọc báo cáo tài chính tổng hợp này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Nguyễn Hoàng Phi
Phó Tổng Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2024

Số tham chiếu: 12827243/66922630/FN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty"), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2024 và được trình bày từ trang 6 đến trang 39, bao gồm bảng cân đối kế toán tổng hợp vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ các chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.6 của báo cáo tài chính tổng hợp, trình bày rằng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có khoản lỗ lũy kế với số tiền là 33.305.898 ngàn VND. Điều kiện này cùng với vấn đề khác được nêu trong Thuyết minh số 2.6 cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Hàng Nhà Quang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1772-2023-004-1



Nguyễn Minh Thanh
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 5559-2020-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
ngày 31 tháng 12 năm 2023

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		12.064.070.073	8.971.078.892
110	I. Tiền	4	47.288.173	819.991
111	1. Tiền		47.288.173	819.991
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		11.878.847.537	8.877.588.071
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	1.651.221.870	1.496.160.600
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	1.629.815.005	1.625.464.375
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	5.912.039.028	3.753.096.261
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	2.755.025.588	2.255.107.462
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	9	(69.253.954)	(252.240.627)
140	III. Hàng tồn kho	10	37.700.270	4.903.261
141	1. Hàng tồn kho		50.182.824	17.580.995
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(12.482.554)	(12.677.734)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		100.234.093	87.767.569
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ	16	99.948.262	87.481.181
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	285.831	286.388
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		9.135.851.600	9.862.263.929
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		4.050.979.875	5.007.032.058
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	2.382.041.632	3.400.037.284
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	1.668.938.243	1.606.994.774
220	II. Tài sản cố định		3.952.953	5.422.203
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	713.786	1.435.536
222	Nguyên giá		8.977.967	9.541.177
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(8.264.181)	(8.105.641)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	3.239.167	3.986.667
228	Nguyên giá		5.980.000	5.980.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.740.833)	(1.993.333)
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	13	5.080.780.439	4.848.889.448
251	1. Đầu tư vào các công ty con		4.794.775.803	4.662.884.812
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		286.004.636	286.004.636
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2.594.610	2.594.610
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(2.594.610)	(102.594.610)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		138.333	920.220
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		138.333	920.220
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		21.199.921.673	18.833.342.821

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2023

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		8.977.561.621	6.706.515.829
310	I. Nợ ngắn hạn		6.869.416.459	4.823.663.936
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	56.801.397	80.269.857
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	846.778.738	1.842.167
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	174.408	172.855
314	4. Phải trả người lao động		1.159.200	1.094.400
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	616.336.122	237.349.753
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	261.041.568	82.649.067
320	7. Vay ngắn hạn	19	5.087.125.026	4.420.285.837
330	II. Nợ dài hạn		2.108.145.162	1.882.851.893
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	17	33.939.083	107.440.727
337	2. Phải trả dài hạn khác	18	51.183.874	133.588.694
338	3. Vay dài hạn	19	2.023.022.205	1.641.822.472
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		12.222.360.052	12.126.826.992
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	12.222.360.052	12.126.826.992
411	1. Vốn cổ phần		11.085.538.950	11.085.538.950
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		11.085.538.950	11.085.538.950
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.170.127.000	1.170.127.000
421	3. Lỗ lũy kế		(33.305.898)	(128.838.958)
421a	- Lỗ sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(128.982.958)	(351.760.883)
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		95.677.060	222.921.925
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		21.199.921.673	18.833.342.821

Trương Thị Trúc Thiên Trang
Người lập

Đỗ Vũ Hải Hà
Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Phi
Phó Tổng Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng	21.1	457.855.119	901.590.188
11	2. Giá vốn hàng bán	22, 25	(448.406.642)	(900.613.532)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng		9.448.477	976.656
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	660.505.284	504.253.561
22 23	5. Chi phí tài chính Trong đó: Chi phí lãi vay	23	(544.805.083) (523.270.610)	(298.415.780) (275.575.838)
25	6. Chi phí bán hàng	24	(6.691.873)	(8.659.726)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(22.788.265)	(38.273.541)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		95.668.540	159.881.170
31	9. Thu nhập khác		566.522	125.885.478
32	10. Chi phí khác		(558.002)	(62.844.723)
40	11. Lợi nhuận khác		8.520	63.040.755
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		95.677.060	222.921.925
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	-	-
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		95.677.060	222.921.925


Trương Thị Trúc Thiên Trang
Người lập


Đỗ Vũ Hải Hà
Kế toán trưởng




Nguyễn Hoàng Phi
Phó Tổng Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		95.677.060	222.921.925
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	11, 12	1.469.250	1.499.968
03	(Hoàn nhập dự phòng) dự phòng		(183.181.853)	28.837.929
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(24.896.197)	(57.041.125)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(547.043.567)	(419.671.584)
06	Chi phí lãi vay	23	523.270.610	275.575.838
08	(Lỗ) lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(134.704.697)	52.122.951
09	Tăng các khoản phải thu		(186.734.618)	(529.670.677)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(32.601.829)	5.645.694
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		928.603.688	(235.225.770)
12	Giảm chi phí trả trước		781.887	1.256.851
14	Tiền lãi vay đã trả		(235.466.534)	(247.070.875)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(410.400)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		339.877.897	(953.352.226)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		-	(474.583)
23	Tiền chi cho vay		(1.109.783.420)	(436.270.264)
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào công ty con		(231.890.991)	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi		38.165	360.748
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(1.341.636.246)	(436.384.099)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
33	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	19		
34	Tiền thu từ đi vay	19	3.090.557.600	3.482.336.692
	Tiền trả nợ gốc vay		(2.042.332.819)	(2.099.116.035)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		1.048.224.781	1.383.220.657
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		46.466.432	(6.515.668)
60	Tiền đầu năm		819.991	7.334.259
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.750	1.400
70	Tiền cuối năm	4	47.288.173	819.991

Trương Thị Trúc Thiên Trang
Người lập

Đỗ Vũ Hải Hà
Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Phi
Phó Tổng Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 5900712753 do SKHĐT Tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 26 tháng 5 năm 2010 và hai mươi (20) GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Quyết định số 278/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 10 tháng 7 năm 2015 với mã giao dịch là "HNG".

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là kinh doanh cao su, phân bón và các loại vật tư nông nghiệp.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 22 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 30 người).

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có bốn (4) công ty con trực tiếp, hai (2) công ty con gián tiếp, một (1) công ty liên kết, và một (1) chi nhánh. Chi tiết như sau:

Tên công ty	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết (%)
Công ty con			
(1) Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu ("HA Attapeu")	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	100,00
(2) Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh ("HAQM Lào")	Sekong, Lào	Đang hoạt động	100,00
(3) Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri ("HA Rattanakiri")	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100,00
(4) Công ty TNHH Heng Brothers ("Heng Brothers")	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100,00
(5) Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Oyadav ("HA Oyadav")	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100,00
(6) Công ty TNHH CRD ("CRD")	Rattanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	100,00
Công ty liên kết			
(1) Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar ("Bidiphar")	Bình Định, Việt Nam	Đang hoạt động	49,14
Chi nhánh			
(1) Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai - Chi nhánh Chế biến Hoa Quả	Gia Lai, Việt Nam	Đã giải thể (*)	-
(*) Chi nhánh Chế biến Hoa Quả đã hoàn tất thủ tục giải thể hoạt động theo Thông báo giải thể số 1821/24 của SKHĐT tỉnh Gia Lai cấp ngày 12 tháng 3 năm 2024.			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính tổng hợp

Công ty có các công ty con và chi nhánh như được trình bày tại Thuyết minh ("TM") số 1 và TM số 13.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính tổng hợp này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 để ngày 29 tháng 3 năm 2024.

Người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp nên đọc báo cáo tài chính tổng hợp này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính tổng hợp được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính tổng hợp, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Năm tài chính năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND. Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND").



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.6 Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính tổng hợp đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Công ty có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Như được trình bày trong báo cáo tài chính tổng hợp, tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 Công ty có khoản lỗ lũy kế với số tiền là 33.305.898 ngàn VND. Cũng tại ngày này, Công ty đã vi phạm một số điều khoản của khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh 19.4 của báo cáo tài chính tổng hợp. Các điều kiện này cho thấy có sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên, tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc Công ty thực hiện đồng thời các giải pháp để giải quyết các vấn đề nêu trên. Cụ thể, Công ty đang tiếp tục triển khai các dự án để đảm bảo dòng tiền cho hoạt động kinh doanh của Công ty, thực hiện tái cơ cấu một số khoản nợ và đang đàm phán với các bên cho vay để điều chỉnh các điều khoản đã bị vi phạm của hợp đồng vay có liên quan. Trước đó, vào ngày 3 tháng 8 năm 2018, Công ty đã ký kết Thỏa thuận Hợp tác Đầu tư Chiến lược với Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Hải ("Thaco"), rằng Thaco cam kết sẽ hỗ trợ Công ty trong việc tái cơ cấu tài chính và huy động vốn tài trợ cho các dự án nông nghiệp thuộc sở hữu của Công ty. Ngoài ra, vào ngày 14 tháng 11 năm 2023, Công ty cũng đã ký kết Hợp đồng Bao tiêu Nông sản với Công ty Cổ phần Nông nghiệp Trường Hải ("Thaco Agri"), theo đó, Thaco Agri hỗ trợ mua và phân phối nông sản của Công ty. Trên các cơ sở này, Ban Tổng Giám đốc vẫn lập báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

Theo đó, báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể cần được thực hiện nếu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động không liên tục.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa và các loại hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc và thiết bị	5 - 7 năm
Phương tiện vận chuyển	2 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	4 - 5 năm
Chương trình phần mềm	5 - 8 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.8 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào các công ty con

Khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.10 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán tổng hợp theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.12 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính tổng hợp.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải nộp phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải ghi giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.15 Bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	40.118	47.602
Tiền gửi ngân hàng	47.248.055	772.389
TỔNG CỘNG	47.288.173	819.991

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ các bên liên quan (TM số 27)	1.583.018.982	1.401.326.940
Phải thu từ các bên khác	68.202.888	94.833.660
- Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Cánh Đồng Vàng ("Cánh Đồng Vàng")	24.541.653	24.541.653
- Zhengzhou Tai Wang Import and Export Trade Co., Ltd	20.986.827	20.373.151
- Khách hàng khác	22.674.408	49.918.856
TỔNG CỘNG	1.651.221.870	1.496.160.600
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (TM số 9)	(66.847.916)	(55.134.193)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.584.373.954	1.441.026.407

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan (TM số 27)	1.621.544.078	1.604.123.267
Trả trước cho các bên khác	8.270.927	21.341.108
- Doanh Nghiệp Tư Nhân Châu Hồng Phúc	2.075.410	2.075.410
- Công ty TNHH MTV Thương mại Thành An	1.622.899	1.622.898
- Khác	4.572.618	17.642.800
TỔNG CỘNG	1.629.815.005	1.625.464.375
Dự phòng trả trước ngắn hạn khó đòi (TM số 9)	(2.406.038)	(176.094.434)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.627.408.967	1.449.369.941

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Ngắn hạn	5.912.039.028	3.753.096.261
Cho vay bên liên quan (TM số 27)	5.912.039.028	3.633.730.761
Cho vay Chính phủ Lào	-	119.365.500
Dài hạn	2.382.041.632	3.400.037.284
Cho vay bên liên quan (TM số 27)	1.714.113.454	3.400.037.284
Cho vay Chính phủ Lào (*)	667.928.178	-
TỔNG CỘNG	8.294.080.660	7.153.133.545

(*) Đây là khoản cho Chính phủ Lào vay không lãi suất nhằm hỗ trợ việc xây dựng Sân bay Quốc tế Nongkhang tại Tỉnh Huaphan và Sân bay Quốc tế Attapeu tại Tỉnh Attapeu, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào. Các khoản cho vay này sẽ được cân trừ với tiền thuế và các nghĩa vụ phải trả khác mà Công ty và các công ty con phải nộp cho Chính phủ Lào trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Ngắn hạn	2.755.025.588	2.255.107.462
Phải thu các bên liên quan từ việc cần trừ công nợ	1.906.456.037	1.661.497.770
Phải thu lãi cho vay	671.605.138	384.245.702
Chi hộ	176.267.106	167.203.522
Khác	697.307	42.160.468
Dài hạn	1.668.938.243	1.606.994.774
Phải thu lãi cho vay	1.637.747.061	1.576.715.651
Khác	31.191.182	30.279.123
TỔNG CỘNG	4.423.963.831	3.862.102.236
Dự phòng phải thu khác khó đòi (TM số 9)	-	(21.012.000)
GIÁ TRỊ THUẦN	4.423.963.831	3.841.090.236
Trong đó:		
<i>Phải thu ngắn hạn khác các bên liên quan (TM số 27)</i>	2.754.328.281	2.233.201.271
<i>Phải thu dài hạn khác các bên liên quan (TM số 27)</i>	1.668.938.243	1.606.994.774
<i>Phải thu khác các bên thứ ba</i>	697.307	894.191

9. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Dự phòng phải thu ngắn hạn khách hàng (TM số 5)	66.847.916	55.134.193
Dự phòng trả trước người bán ngắn hạn (TM số 6)	2.406.038	176.094.434
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác (TM số 8)	-	21.012.000
TỔNG CỘNG	69.253.954	252.240.627

Chi tiết tình hình tăng/giảm dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi:

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Số đầu năm	252.240.627	234.276.601
Dự phòng trích lập trong năm	12.208.154	18.429.886
Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	(195.194.827)	(465.860)
Số cuối năm	69.253.954	252.240.627

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Hàng hóa	50.149.344	17.580.995
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	33.480	-
TỔNG CỘNG	50.182.824	17.580.995
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(12.482.554)	(12.677.734)
GIÁ TRỊ THUẦN	37.700.270	4.903.261

Chi tiết tình hình tăng/giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	Năm nay	Ngàn VND Năm trước
Số đầu năm	12.677.734	1.803.831
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	-	10.873.903
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	(195.180)	-
Số cuối năm	12.482.554	12.677.734

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị văn phòng	Ngàn VND Tổng cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	873.865	5.701.139	2.966.173	9.541.177
Thanh lý trong năm	(563.210)	-	-	(563.210)
Số cuối năm	310.655	5.701.139	2.966.173	8.977.967
Trong đó: Đã khấu hao hết	310.655	4.311.791	322.183	4.944.629
Khấu hao lũy kế				
Số đầu năm	(873.865)	(5.205.795)	(2.025.981)	(8.105.641)
Khấu hao trong năm	-	(192.950)	(528.800)	(721.750)
Thanh lý trong năm	563.210	-	-	563.210
Số cuối năm	(310.655)	(5.398.745)	(2.554.781)	(8.264.181)
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	-	495.344	940.192	1.435.536
Số cuối năm	-	302.394	411.392	713.786

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Ngàn VND
Phần mềm vi tính

Nguyên giá

Số đầu năm và số cuối năm	5.980.000
---------------------------	-----------

Hao mòn lũy kế

Số đầu năm	(1.993.333)
Hao mòn trong năm	(747.500)
Số cuối năm	(2.740.833)

Giá trị còn lại

Số đầu năm	3.986.667
Số cuối năm	3.239.167

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Số cuối năm Số đầu năm
Ngàn VND

Đầu tư vào các công ty con (TM số 13.1)	4.794.775.803	4.662.884.812
Đầu tư vào công ty liên kết (TM số 13.2)	286.004.636	286.004.636
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (TM số 13.3)	2.594.610	2.594.610
TỔNG CỘNG	5.083.375.049	4.951.484.058
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(2.594.610)	(102.594.610)
GIÁ TRỊ THUẦN	5.080.780.439	4.848.889.448

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính và kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.1 Đầu tư vào công ty con

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	Số đầu năm	
		Giá gốc đầu tư	Dự phòng		Giá gốc đầu tư	Dự phòng
		Ngàn VND	Ngàn VND	%	Ngàn VND	Ngàn VND
HA Attapeu	Trồng cây công, nông nghiệp và xây dựng	2.101.029.560	-	100,00	2.101.029.560	-
HAQM Lào	Trồng cây công, nông nghiệp	1.081.159.132	-	100,00	1.081.159.132	-
HA Rattanakiri	Trồng cây công, nông nghiệp	943.987.719	-	100,00	943.987.719	-
HA Oyadav	Trồng cây công, nông nghiệp	668.599.392	-	100,00	436.708.401	-
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai ("XNK HAGL") (*)	Đã giải thể	-	-	100,00	100.000.000	(100.000.000)
TỔNG CỘNG		4.794.775.803	-		4.662.884.812	(100.000.000)

(*) XNK HAGL đã hoàn tất thủ tục giải thể hoạt động theo Thông báo giải thể số 589/23 do SKHĐT tỉnh Gia Lai cấp ngày 6 tháng 2 năm 2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Giá trị đầu tư
		%	Ngàn VND	%	Ngàn VND
Bidiphar	Trồng, khai thác và chế biến các sản phẩm từ cây cao su	49,14	286.004.636	49,14	286.004.636

13.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm			Số đầu năm		
		Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Giá trị đầu tư	Dự phòng	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Giá trị đầu tư	Dự phòng
		%	Ngàn VND		%	Ngàn VND	
Cánh Đồng Vàng	Kinh doanh cây ăn trái	15,00	2.594.610	(2.594.610)	15,00	2.594.610	(2.594.610)

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Phải trả cho các bên liên quan (TM số 27)	40.309.084	64.388.705
Phải trả cho các bên thứ ba	16.492.313	15.881.152
- Công ty Cổ Phần Cánh Đồng Vàng Lạng Sơn	3.963.450	3.963.450
- Khác	12.528.863	11.917.702
TỔNG CỘNG	56.801.397	80.269.857

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Nhận ứng trước từ bên liên quan (TM số 27)	846.686.346	1.749.775
Nhận ứng trước từ bên khác	92.392	92.392
TỔNG CỘNG	846.778.738	1.842.167

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngàn VND			
	Số đầu năm	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm	Số cuối năm
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	87.481.181	19.857.881	(7.390.800)	99.948.262
Thuế thu nhập doanh nghiệp (TM số 26.1)	285.831	-	-	285.831
Thuế khác	557	1.012.726	(1.013.283)	-
TỔNG CỘNG	87.767.569	20.870.607	(8.404.083)	100.234.093
Phải trả				
Thuế thu nhập cá nhân	172.855	297.198	(295.645)	174.408

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	616.336.122	237.349.753
Chi phí lãi vay	587.979.344	208.473.554
Chi phí hoạt động	28.356.778	28.876.199
Dài hạn	33.939.083	107.440.727
Chi phí lãi vay	33.939.083	107.440.727
TỔNG CỘNG	650.275.205	344.790.480
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả ngắn hạn bên liên quan (TM số 27)</i>	570.909.491	98.571.561
<i>Phải trả các bên khác</i>	79.365.714	189.124.029
<i>Phải trả dài hạn bên liên quan (TM số 27)</i>	-	57.094.890

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	Ngàn VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	261.041.568	82.649.067
Phải trả các bên liên quan	242.844.188	65.584.210
Phải trả khác	18.197.380	17.064.857
Dài hạn	51.183.874	133.588.694
Phải trả các bên liên quan	30.271.853	97.048.755
Phải trả khác	20.912.021	36.539.939
TỔNG CỘNG	312.225.442	216.237.761
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả ngắn hạn bên liên quan (TM số 27)</i>	242.844.188	65.584.210
<i>Phải trả các bên khác</i>	39.109.401	53.604.796
<i>Phải trả dài hạn bên liên quan (TM số 27)</i>	30.271.853	97.048.755

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY

	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Ngắn hạn	5.087.125.026	4.420.285.837
Vay ngắn hạn bên liên quan (TM số 19.1 và TM số 27)	272.740.518	312.440.517
Vay ngắn hạn ngân hàng (TM số 19.2)	500.000.000	599.542.639
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (TM số 19.3)	52.490.000	790.250.181
Vay dài hạn bên liên quan đến hạn phải trả (TM số 19.4 và TM số 27)	4.261.894.508	2.718.052.500
Dài hạn	2.023.022.205	1.641.822.472
Vay dài hạn các bên liên quan (TM số 19.4 và TM số 27)	1.904.917.600	1.471.227.867
Vay dài hạn ngân hàng (TM số 19.3)	118.104.605	170.594.605
TỔNG CỘNG	7.110.147.231	6.062.108.309

Tình hình tăng/giảm các khoản vay như sau:

	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn	Ngàn VND Tổng cộng
Số đầu năm	4.420.285.837	1.641.822.472	6.062.108.309
Tiền thu từ đi vay	586.940.000	2.503.617.600	3.090.557.600
Tiền trả nợ gốc vay	(2.037.332.819)	(5.000.000)	(2.042.332.819)
Cần trừ công nợ	-	(185.859)	(185.859)
Vay dài hạn đến hạn trả	2.117.232.008	(2.117.232.008)	-
Số cuối năm	5.087.125.026	2.023.022.205	7.110.147.231

19.1 Vay ngắn hạn bên liên quan (TM số 27)

Công ty vay tín chấp ngắn hạn từ bên liên quan nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, chi tiết như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm Ngàn VND	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm
Thaco Agri	272.740.518	Từ ngày 1 tháng 4 năm 2024 đến ngày 13 tháng 5 năm 2024	6,50 - 8,50

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY (tiếp theo)

19.2 Vay ngắn hạn ngân hàng

Chi tiết vay ngắn hạn ngân hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 được trình bày như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm	Thời hạn thanh toán	Lãi suất	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
	Ngàn VND		%/năm		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong ("TPBank"), Chi nhánh Hà Nội	500.000.000	Từ ngày 18 tháng 1 năm 2024 đến ngày 6 tháng 7 năm 2024	Lãi suất cơ sở kỳ hạn 3 tháng của TPBank + 2,35%/năm (năm 2023: 9,50 - 12,45%)	Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh trái cây và cao su	- Tài sản của Công ty TNHH Cao su Eastern (Campuchia), công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT đã, đang và sẽ hình thành trên đất theo giấy chuyển nhượng quyền sở hữu đất tổ chức kinh tế tại Campuchia số Kor Ror 0185, có diện tích 925 ha tại Campuchia; - Quyền khai thác, tài sản gắn liền với 453,7 ha đất trồng trái cây; và quyền khai thác, tài sản gắn liền với đất (bao gồm toàn bộ cây trồng, công trình gắn liền với đất và các tài sản khác) và lợi ích từ việc khai thác đất, tài sản gắn liền với đất đã và đang hình thành trên tổng diện tích 71,4 ha tại Bản Houy Kong, Huyện Paksong, tỉnh Champasak, Lào thuộc sở hữu của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng ("Đại Thắng"), công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT; và - Quyền khai thác, tài sản gắn liền với đất (bao gồm toàn bộ cây trồng, công trình gắn liền với đất và các tài sản khác) và lợi ích từ việc khai thác đất, tài sản gắn liền với đất đã và đang hình thành trên tổng diện tích 148 ha tại Bản Hatsan, Huyện Saysettha, Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Khăn Xây, công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT.

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY (tiếp theo)

19.3 Vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

Tên ngân hàng	Số cuối năm	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
	Ngân VND				
Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín ("Sacombank"), Chi nhánh Sài Gòn	170.594.605	Từ ngày 24 tháng 12 năm 2024 đến ngày 24 tháng 12 năm 2026	Lãi suất tiết kiệm của Sacombank hạn 13 tháng lãi trả sau + 2,00%/năm được điều chỉnh 3 tháng/lần (năm 2023: 11,55%)	Tài trợ cho các dự án phát triển trồng cây cao su và mua sắm máy móc thiết bị của các công ty con tại Campuchia	23,2 triệu cổ phiếu HAG do Ông Đoàn Nguyên Đức – Chủ tịch HĐQT Công ty sở hữu và 14,5 triệu cổ phiếu HAQM Việt Nam do Thaco Agri sở hữu
TỔNG CỘNG	170.594.605				
Trong đó:					
Vay dài hạn	118.104.605				
Vay dài hạn đến hạn trả	52.490.000				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY (tiếp theo)

19.4 Vay dài hạn bên liên quan

Công ty vay tín chấp dài hạn từ các bên liên quan nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, chi tiết như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm Ngàn VND	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm
Thaco Agri	5.182.114.070	Từ ngày 7 tháng 5 năm 2024 đến ngày 28 tháng 12 năm 2025	9,00 - 14,50
HAG (*)	984.698.038	Từ ngày 30 tháng 12 năm 2023 đến ngày 30 tháng 9 năm 2024	0,00
TỔNG CỘNG	6.166.812.108		
Trong đó:			
Vay dài hạn	1.904.917.600		
Vay dài hạn đến hạn trả	4.261.894.508		

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty chưa thanh toán khoản vay quá hạn với số tiền là 100.000.000 ngàn VND. Tuy nhiên, vào ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp này, Công ty đã có kế hoạch thanh toán khoản vay quá hạn này.

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Ngàn VND			
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Lỗi lũy kế	Tổng cộng
Năm trước				
Số đầu năm	11.085.538.950	1.170.127.000	(351.208.883)	11.904.457.067
Chia thù lao cho HĐQT, BKS	-	-	(552.000)	(552.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	222.921.925	222.921.925
Số cuối năm	11.085.538.950	1.170.127.000	(128.838.958)	12.126.826.992
Năm nay				
Số đầu năm	11.085.538.950	1.170.127.000	(128.838.958)	12.126.826.992
Chia thù lao cho HĐQT, BKS	-	-	(144.000)	(144.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	95.677.060	95.677.060
Số cuối năm	11.085.538.950	1.170.127.000	(33.305.898)	12.222.360.052

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.2 Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	1.108.553.895	1.108.553.895
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	1.108.553.895	1.108.553.895
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.108.553.895</i>	<i>1.108.553.895</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.108.553.895	1.108.553.895
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.108.553.895</i>	<i>1.108.553.895</i>

Cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

21. DOANH THU

21.1 Doanh thu thuần về bán hàng

	Năm nay	Ngân VND Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	323.092.478	703.384.797
Doanh thu bán mủ cao su	134.762.641	197.519.176
Doanh thu bán trái cây	-	618.181
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	68.034
TỔNG CỘNG	457.855.119	901.590.188
Trong đó:		
Doanh thu thuần với các bên liên quan	457.260.529	890.886.561
Doanh thu thuần với các bên khác	594.590	10.703.627

21.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Ngân VND Năm trước
Lãi từ cho bên liên quan vay	520.860.844	393.405.284
Lãi chênh lệch tỷ giá	113.461.717	84.581.977
Cổ tức	26.144.558	26.144.559
Lãi tiền gửi ngân hàng	38.165	121.741
TỔNG CỘNG	660.505.284	504.253.561
Trong đó:		
Bên liên quan	547.005.402	419.549.843
Bên khác	113.499.882	84.703.718

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<i>Năm nay</i>	<i>Ngàn VND Năm trước</i>
Giá vốn hàng hóa	320.671.262	700.667.220
Giá vốn mủ cao su đã bán	127.930.560	187.667.160
Giá vốn trái cây đã bán	-	1.348.388
Giá vốn cung cấp dịch vụ (Hoàn nhập dự phòng) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(195.180)	56.862
TỔNG CỘNG	448.406.642	900.613.532

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Năm nay</i>	<i>Ngàn VND Năm trước</i>
Chi phí lãi vay	523.270.610	275.575.838
Lỗ chênh lệch tỷ giá	15.430.370	-
Khác	6.104.103	22.839.942
TỔNG CỘNG	544.805.083	298.415.780

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Năm nay</i>	<i>Ngàn VND Năm trước</i>
Chi phí bán hàng	6.691.873	8.659.726
Chi phí vận chuyển	5.319.752	6.906.219
Chi phí nhân viên	1.116.251	1.541.637
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	196.700
Khác	255.870	15.170
Chi phí quản lý doanh nghiệp	22.788.265	38.273.541
Dự phòng phải thu khó đòi	12.208.155	17.963.226
Chi phí nhân viên	4.481.537	5.058.178
Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	1.715.408	1.418.175
Khác	4.383.165	13.833.962
TỔNG CỘNG	29.480.138	46.933.267

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí giá vốn hàng hóa, nguyên vật liệu	446.937.392	899.113.564
Dự phòng phải thu khó đòi	12.208.155	17.963.226
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.457.557	20.550.702
Chi phí nhân công	5.597.788	6.599.815
Chi phí khấu hao và hao mòn (TM số 11 và 12)	1.469.250	1.499.968
Khác	2.216.638	1.819.524
TỔNG CỘNG	477.886.780	947.546.799

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

26.1 Chi phí thuế TNDN

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận kế toán trước thuế theo báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và thu nhập tính thuế:

	Ngàn VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	95.677.060	222.921.925
<i>Các điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	12.788.732	66.801.581
Cổ tức	(26.144.558)	(26.144.558)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(31.165.445)	(91.575.508)
Hoàn nhập dự phòng	-	(125.876.974)
Thu nhập chịu thuế ước tính	51.155.789	46.126.466
Lỗi chuyển sang từ năm trước	(51.155.789)	(46.126.466)
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính	-	-
Thuế TNDN trả trước đầu năm	(285.831)	(285.831)
Thuế TNDN trả trước cuối năm	(285.831)	(285.831)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

26.3 Lỗ thuế chuyển sang các năm sau

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với thu nhập chịu thuế thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 1.038.330.501 ngàn VND (ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 1.133.757.162 ngàn VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	Ngàn VND		
			Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2023	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023
2018	2023	11.091.234	(*) (11.091.234)	-	-
2019	2024	1.133.757.162	(*) (95.426.661)	-	1.038.330.501
TỔNG CỘNG		1.144.848.396	(106.517.895)	-	1.038.330.501

(*) Lỗ tính thuế theo biên bản quyết toán thuế.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế nêu trên do không thể dự tính được lợi nhuận chịu thuế trong tương lai tại thời điểm này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát và giao dịch trọng yếu với Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

Bên liên quan

Mối quan hệ

Ông Trần Bá Dương	Chủ tịch HĐQT
Ông Đoàn Nguyên Đức	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Trần Bảo Sơn	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Hoàng Phi	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Phúc Thịnh	Thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Hải ("Thaco")	Công ty có cùng thành viên HĐQT
Thaco Agri	Công ty có cùng thành viên HĐQT
HAG	Cổ đông lớn
HA Attapeu	Công ty con
HA Oyadav	Công ty con
HAQM Lào	Công ty con
HA Rattanakiri	Công ty con
CRD	Công ty con
Heng Brothers	Công ty con
XNK HAGL	Công ty con
	(Đã giải thể ngày 6 tháng 2 năm 2023)
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh An Đông Meas ("HA Andong Meas")	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT với Công ty
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lumphat ("HA Lumphat")	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT với Công ty
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk ("HA Đắk Lắk")	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT với Công ty
Công ty TNHH Giao Nhận Vận Chuyển Quốc Tế Trường Hải ("Thilogi")	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT với Công ty
Công ty TNHH MTV Chăn Nuôi Bò Trung Nguyên ("Chăn Nuôi Bò Trung Nguyên")	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT với Công ty
Công ty TNHH MTV Tổ hợp Cơ khí Thaco Chu Lai ("Cơ khí Chu Lai")	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT với Công ty
Công Ty TNHH Phân Phối Thaco Auto ("Thaco Phân phối")	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT với Công ty
Công Ty TNHH Thiso Retail ("Thiso")	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT với Công ty
Công ty TNHH Sản Xuất Thiết Bị Chuyên Dụng THACO ("THACO Chuyên dụng")	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT với Công ty
Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai ("Hưng Thắng Lợi Gia Lai")	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT với Công ty
Công ty TNHH MTV Cây ăn trái Thaco Agri Cao nguyên ("Bò sữa Tây Nguyên")	Công ty con của công ty có cùng thành viên HĐQT với Công ty
Bidiphar	Công ty liên kết

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm được trình bày như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Ngàn VND</i>
			<i>Năm trước</i>
Thaco Agri	Vay	2.507.117.600	2.690.589.599
	Mua hàng hóa	322.763.069	629.722.562
	Lãi vay	415.243.040	137.985.954
	Trả gốc vay	169.100.000	72.629.070
	Bán hàng hóa	135.746.329	197.645.440
	Cần trừ công nợ	55.516.334	150.859.213
	Mượn tiền	8.000.000	-
HA Rattanakiri	Cần trừ công nợ	205.195.120	-
	Lãi cho vay	48.978.380	45.109.208
HA Oyadav	Góp vốn	231.890.991	-
	Cần trừ công nợ	192.545.530	-
	Lãi cho vay	66.625.266	56.475.604
	Chi hộ	284.980	6.232.685
	Cho vay	-	5.183.351
	Bán hàng hóa	-	18.191.087
HA Attapeu	Cần trừ nợ gốc vay	398.329.719	44.264.328
	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	321.355.346	663.943.635
	Lãi cho vay	367.780.157	258.472.295
	Cho vay	170.439.778	716.510.507
	Chi hộ	165.780.583	170.427.298
	Mua hàng hóa	74.452.177	109.449.409
HAG	Trả gốc vay	400.000.000	600.000.000
	Cần trừ nợ gốc vay	185.859	3.578.369
CRD	Cần trừ công nợ	68.208.415	6.033.178
	Bán hàng hóa	-	10.595.486
HAQM Lào	Mua hàng hóa	53.478.382	78.217.751
	Lãi cho vay	37.477.039	33.348.178
	Chi hộ	1.000.000	4.445.934
Bidiphar	Thu tiền cổ tức	52.289.115	-
	Cổ tức được chia	26.144.558	26.144.558
Thaco Phân phối	Mua hàng hóa	12.286.111	22.500.000
Thilogi	Mua dịch vụ	5.581.303	-
Thaco Chuyên dụng	Mua hàng hóa	2.082.220	-
Heng Brothers	Cần trừ công nợ	6.878	3.426.577
Cơ khí Chu Lai	Mua hàng hóa	-	2.341.702
Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Cần trừ công nợ	-	3.578.369
HA Andong Meas	Cần trừ công nợ	-	148.130.637

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc năm tài chính, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Ngân VND Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (TM số 5)			
HA Attapeu	Bán hàng hóa	1.486.158.661	1.227.928.346
HAQM Lào	Bán hàng hóa	46.193.058	44.762.105
HA Oyadav	Bán hàng hóa	36.598.662	114.977.231
CRD	Bán hàng hóa	13.998.941	13.589.598
Bên liên quan khác	Bán hàng hóa	69.660	69.660
TỔNG CỘNG		1.583.018.982	1.401.326.940
Trả trước cho người bán ngắn hạn (TM số 6)			
HA Attapeu	Mua hàng hóa	764.824.376	769.826.123
HAQM Lào	Mua hàng hóa	658.304.204	660.568.437
Thaco	Mua hàng hóa	198.415.498	-
Thiso	Mua hàng hóa	-	-
XNK HAGL	Mua hàng hóa	-	173.688.397
HA Lumphat	Mua hàng hóa	-	40.310
TỔNG CỘNG		1.621.544.078	1.604.123.267
Phải thu về cho vay ngắn hạn (*) (TM số 7)			
HA Attapeu	Cho vay	3.895.266.640	2.502.178.706
HA Rattanakiri	Cho vay	805.908.354	291.708.400
HAQM Lào	Cho vay	619.432.694	384.815.315
HA Oyadav	Cho vay	591.431.340	455.028.340
TỔNG CỘNG		5.912.039.028	3.633.730.761
(*) Cho vay ngắn hạn thể hiện các khoản cho các bên liên quan vay tín chấp với thời hạn hoàn trả từ ngày 17 tháng 1 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, và với lãi suất trung bình từ 6,0%/năm đến 14,5%/năm.			
Phải thu về cho vay dài hạn (**) (TM số 7)			
HA Attapeu	Cho vay	1.450.658.849	2.252.362.346
HA Oyadav	Cho vay	262.454.605	398.857.605
HAQM Lào	Cho vay	1.000.000	234.617.379
HA Rattanakiri	Cho vay	-	514.199.954
TỔNG CỘNG		1.714.113.454	3.400.037.284
(**) Cho vay dài hạn thể hiện các khoản cho các bên liên quan vay tín chấp dài hạn với thời hạn hoàn trả từ ngày 5 tháng 1 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2026 và với lãi suất trung bình từ 7,2%/năm đến 14,5%/năm.			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc năm tài chính, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Ngàn VND Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn khác (TM số 8)			
HA Attapeu	Cần trừ công nợ	1.544.502.764	1.516.459.348
	Lãi cho vay	518.905.443	296.928.809
	Chi hộ	175.328.116	166.939.528
HA Oyadav	Cần trừ công nợ	208.405.364	-
	Lãi cho vay	35.696.686	1.965.448
HAQM Lào	Lãi cho vay	117.003.008	85.351.444
	Cần trừ công nợ	5.993.044	5.890.280
	Chi hộ	938.990	263.994
CRD	Cần trừ công nợ	75.757.851	5.955.067
Thaco Agri	Cần trừ công nợ	71.724.705	127.295.595
Bidiphar	Cổ tức được chia	-	26.144.558
Bên liên quan khác	Chi hộ	72.310	7.200
TỔNG CỘNG		2.754.328.281	2.233.201.271
Phải thu dài hạn khác (TM số 8)			
HA Attapeu	Lãi cho vay	1.529.997.028	1.507.685.122
HAQM Lào	Lãi cho vay	72.226.296	66.400.822
	Cần trừ công nợ	31.191.182	30.279.122
HA Oyadav	Lãi cho vay	35.523.737	2.629.708
TỔNG CỘNG		1.668.938.243	1.606.994.774
Phải trả người bán ngắn hạn (TM số 14)			
Thaco Phân Phối	Mua hàng hóa	30.337.400	24.300.000
CRD	Mua hàng hóa	2.549.268	2.473.553
Thaco Agri	Mua hàng hóa	-	33.835.318
Bên liên quan khác	Mua hàng hóa và dịch vụ	7.422.416	3.779.834
TỔNG CỘNG		40.309.084	64.388.705

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc năm tài chính, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Ngân VND Số đầu năm
Người mua trả tiền trước ngắn hạn (TM số 15)			
Thaco Agri	Mua hàng hóa	846.686.346	1.749.775
Chi phí phải trả ngắn hạn (TM số 17)			
Thaco Agri	Lãi vay	570.909.491	98.571.561
Phải trả ngắn hạn khác (TM số 18)			
HA Rattanakiri	Cần trừ công nợ	226.742.175	65.484.210
Thaco Agri	Mượn tiền	8.453.813	100.000
HA Attapeu	Thu hộ	7.648.200	-
TỔNG CỘNG		242.844.188	65.584.210
Chi phí phải trả dài hạn (TM số 17)			
Thaco Agri	Lãi vay	-	57.094.890
Phải trả dài hạn khác (TM số 18)			
Heng Brothers	Cần trừ công nợ	30.271.853	29.379.845
HA Oyadav	Cần trừ công nợ	-	67.668.910
TỔNG CỘNG		30.271.853	97.048.755
Vay ngắn hạn (TM số 19.1 và TM số 19.4)			
Thaco Agri	Vay	3.549.936.988	2.530.493.017
HAG	Vay	984.698.038	500.000.000
TỔNG CỘNG		4.534.635.026	3.030.493.017
Vay dài hạn (TM số 19.4)			
Thaco Agri	Vay	1.904.917.600	884.883.897
HAG	Vay	-	586.343.970
TỔNG CỘNG		1.904.917.600	1.471.227.867

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Lương, thưởng và thù lao cho các thành viên HĐQT, BKS và Ban Tổng Giám đốc như sau:

Tên	Chức vụ	Thu nhập		Ngàn VND
		Năm nay	Năm trước	
HĐQT và Ban Tổng Giám đốc				
Ông Trần Bá Dương	Chủ tịch	-	-	
Ông Đoàn Nguyên Đức	Phó chủ tịch	144.000	144.000	
Ông Trần Bảo Sơn	Thành viên/Tổng Giám đốc	-	-	
Ông Nguyễn Hoàng Phi	Thành viên/ Phó Tổng Giám Đốc	-	-	
Ông Nguyễn Phúc Thịnh	Thành viên	-	-	
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Tổng Giám đốc cho đến ngày 16 tháng 4 năm 2022	-	30.000	
BOS				
Ông Bùi Minh Khoa	Trưởng ban	-	-	
Ông Đặng Công Trục	Thành viên	-	-	
Bà Bùi Thị Liễu	Thành viên từ ngày 16 tháng 4 năm 2022	-	-	
Bà Lê Thùy Dương	Thành viên cho đến ngày 16 tháng 4 năm 2022	-	18.000	
TỔNG CỘNG		144.000	192.000	

28. CAM KẾT QUAN TRỌNG

Cam kết bảo lãnh:

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty đang dùng các quyền thuê đất của các công ty con để đảm bảo cho khoản trái phiếu của HAG, cổ đông lớn của Công ty, tại BIDV và Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Gia Lai, chi tiết như sau:

- Quyền thuê phát sinh theo hợp đồng thuê đất, tài sản gắn liền với đất trên diện tích đất 4.852,74 ha (trồng cao su) tại Tỉnh Attapeu và Tỉnh Sekong, Lào thuộc sở hữu của HAQM Lào;
- Quyền thuê phát sinh theo hợp đồng thuê đất, tài sản gắn liền với đất trên diện tích đất 4.733,01 ha (trồng cao su) và 3.155,79 ha (trồng cọ dầu) tại Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của HA Attapeu;
- Quyền thuê phát sinh theo hợp đồng thuê đất, tài sản gắn liền với đất trên diện tích đất 1.960,91 ha tại Tỉnh Ratanakiri, Campuchia thuộc sở hữu của Heng Brothers; và
- Quyền thuê phát sinh theo hợp đồng thuê đất, tài sản gắn liền với đất trên diện tích đất 3.283,66 ha tại Tỉnh Ratanakiri, Campuchia thuộc sở hữu của CRD.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ("ĐHĐCĐ") số 01/24/NQ-ĐHĐCĐ/HAGL Agrico ngày 21 tháng 2 năm 2024, HĐQT của Công ty đã thông qua việc thành lập Công ty TNHH MTV Đầu tư và Sản xuất Kinh doanh Nông nghiệp Nam Lào ("Nam Lào") để thực hiện Dự án đầu tư sản xuất trồng trọt cây ăn trái kết hợp chăn nuôi bò quy mô lớn tại tỉnh Attapeu và tỉnh Sekong, Lào. Tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp này, Công ty đang thực hiện các thủ tục cần thiết để hoàn tất việc thành lập Công ty Nam Lào và dự án này.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.



Trương Thị Trúc Thiên Trang
Người lập



Đỗ Vũ Hải Hà
Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Phi
Phó Tổng Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2024

